

4. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TỈNH BẠC LIÊU NĂM 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 638 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh	Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố và tương đương)	Ghi chú
				Nam	Nữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Huyện Hồng Dân	14						
	1. Xã Ninh Quới	1						
1	Huỳnh Ri		1961	x		Khmer	Ấp Phú Tân, xã Ninh Quới	
	2. Xã Ninh Thạnh Lợi	2						
2	Danh Dẻo		1953	x		Khmer	Ấp Ninh Thạnh Đông, xã Ninh Thạnh Lợi	
3	Tăng Săng		1943	x		Khmer	Ấp Kos Thum, xã Ninh Thạnh Lợi	
	3. Xã Ninh Quới A	1						
4	Huỳnh Chi		1930	x		Khmer	Ấp Ninh Chùa, xã Ninh Quới A	
	4. Xã Lộc Ninh	2						
5	Danh Sang		1950	x		Khmer	Ấp Đầu Sấu Đông, xã Lộc Ninh	
6	Danh Xiêm		1958	x		Khmer	Ấp Đầu Sấu Tây, xã Lộc Ninh	
	5. Thị trấn Ngan Dừa	3						
7	Danh Kiên		1964	x		Khmer	Ấp Bà Gông, thị trấn Ngan Dừa	
8	Danh Sal		1960	x		Khmer	Ấp Bà Hiên, thị trấn Ngan Dừa	
9	Danh Niêu		1970	x		Khmer	Ấp Trèm Trèm, thị trấn Ngan Dừa	
	6. Xã Ninh Hòa	2						
10	Danh Lét		1943	x		Khmer	Ấp Bà Ten, xã Ninh Hòa	
11	Danh Vinh		1945	x		Khmer	Ấp Tà Ky, xã Ninh Hòa	
	7. Xã Vĩnh Lộc	1						
12	Sơn Minh Kinh		1942	x		Khmer	Ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Lộc	
	8. Xã Ninh Thạnh Lợi A	1						
13	Trần Bui		1947	x		Khmer	Ấp Chòm Cao, xã Ninh Thạnh Lợi A	
	9. Xã Vĩnh Lộc A	1						
14	Đình Ken		1956	x		Hoa	Ấp Ba Đình, xã Vĩnh Lộc A	
II	Thành phố Bạc Liêu	20						
	1. Xã Vĩnh Trạch	4						
15	Sơn Bênh		1957	x		Khmer	Ấp Kim Cầu, xã Vĩnh Trạch	
16	Lý Sâm		1956	x		Khmer	Ấp Công Điện, xã Vĩnh Trạch	Thay thế Sơn Chính năm 2014

17	Trịnh Hal		1955	x		Khmer	Áp Thảo Lang, xã Vĩnh Trach	
18	Thạch Sà Phe		1937	x		Khmer	Áp Giáp Nước, xã Vĩnh Trach	Thay thế Thạch Thành Ngân 2014
	2. Phường 8	1						
19	Lâm Văn Lượng		1983	x		Khmer	Khóm 1, phường 8, TPBL	
	3. Phường 7	1						
20	Châu Thị Xinh		1942		x	Khmer	52/7 Khóm 6, phường 7, TPBL	
	4. Xã Vĩnh Trach Đông	6						
21	Chiêm Ngọc Thành		1933	x		Hoa	Áp Biên Tây A, xã Vĩnh Trach Đông	
22	Kim Đol		1955	x		Khmer	Áp Biên Tây B, xã Vĩnh Trach Đông	
23	Trương Chung		1958			Khmer	Áp Biên Đông A, xã Vĩnh Trach Đông	Thay thế Đường Văn Quảng 2014
24	Thạch Quết		1947	x		Khmer	Áp Biên Đông B, xã Vĩnh Trach Đông	
25	Lâm Ngọc Tài		1950	x		Khmer	Áp Giồng Giữa A, xã Vĩnh Trach Đông	
26	Trần Thu Nguyệt		1958		x	Khmer	Áp Giồng Giữa B, xã Vĩnh Trach Đông	
	5. Phường 3	3						
27	Châu Văn Quang		1965	x		Hoa	Khóm 2, Phường 3, TPBL	
28	Lâm Trần Bình		1945	x		Hoa	Khóm 3, Phường 3, TPBL	
29	Trương Văn Hên		1969	x		Hoa	Khóm 4, Phường 3, TPBL	
	6. Phường 1	1						
30	Tăng Minh Hui		1946	x		Hoa	57B/9 Khóm 6, phường 1, TPBL	
	7. Xã Hiệp Thành	4						
31	Ngô Chân Quang		1950	x		Hoa	Áp Giồng Nhân A, xã Hiệp Thành	
32	Sơn Thị Et		1949		x	Khmer	Áp Giồng Nhân, xã Hiệp Thành	
33	Châu Văn Huôi		1936	x		Hoa	Áp Giồng Giữa, xã Hiệp Thành	Bổ sung năm 2015
34	Võ Bế Chín		1942	x		Hoa	Áp Xóm Lâm, xã Hiệp Thành	Bổ sung năm 2015
III	Huyện Giá Rai	3						
	1. Thị trấn Hộ Phòng	1						
35	Trần Hoàng		1972	x		Khmer	Áp 4, thị trấn Hộ Phòng	
	2. Thị trấn Giá Rai	2						
36	Trần Thiện Huy		1970	x		Hoa	Áp 5, thị trấn Giá Rai	
37	Huỳnh Mười		1937	x		Khmer	Áp 4, thị trấn Giá Rai	
IV	Huyện Đông Hải	3						
	1. Xã Long Điền	3						
38	Danh Tinh		1949	x		Khmer	Áp Rạch Rắn, xã Long Điền	
39	Danh Sĩ Phai		1938	x		Khmer	Áp Đầu Lá, xã Long Điền	Thay thế Lý Sel năm 2014
40	Lâm Bình		1956	x		Khmer	Áp Thạch Trị, xã Long Điền	
V	Huyện Hòa Bình	13						
	1. Thị trấn Hòa Bình	4						
41	Trương Khiêm		1957	x		Hoa	382, áp TTB, thị trấn Hòa Bình	
42	Kim Sen		1950	x		Khmer	Áp TTB1, thị trấn Hòa Bình	
43	Sơn Ngọc		1971	x		Khmer	Áp Chùa Phật, thị trấn Hòa Bình	

44	Ngô Hán Uy		1934	x		Kinh	204, ấp AI, thị trấn Hòa Bình
	2. Xã Vĩnh Mỹ A	2					
45	Tăng Thuôi		1945	x		Khmer	Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A
46	Thạch Dết		1958	x		Khmer	Ấp Tân Tiên, xã Vĩnh Mỹ A
	3. Xã Vĩnh Hậu	4					
47	Sơn Năm		1966	x		Khmer	Ấp Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Hậu
48	Sơn Huol		1949	x		Khmer	Ấp Vĩnh Mẫu, xã Vĩnh Hậu
49	Thạch Thị Phai		1950		x	Khmer	Ấp 14, xã Vĩnh Hậu
50	Thạch Suôi		1955	x		Khmer	Ấp 13, xã Vĩnh Hậu
	4. Xã Vĩnh Bình	2					
51	Danh Diễm		1956	x		Khmer	82, ấp Ninh Lợi, xã Vĩnh Bình
52	Danh Suôi		1943	x		Khmer	106, ấp Thanh Sơn, xã Vĩnh Bình
	5. Xã Vĩnh Thịnh	1					
53	Lâm Hương		1952	x		Khmer	156, ấp Vĩnh Kiều, xã Vĩnh Thịnh
VI	Huyện Phước Long	2					
	1. Xã Vĩnh Phú Đông	1					
54	Danh Lập		1939	x		Khmer	Ấp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Phú Đông
	2. Xã Vĩnh Phú Tây	1					
55	Sơn Duyên		1945	x		Khmer	Ấp Bình Bảo, xã Vĩnh Phú Tây
VII	Huyện Vĩnh Lợi	6					
	1. Xã Hưng Hội	6					
56	Thạch Sơn		1953	x		Khmer	Ấp Sóc Đôn, xã Hưng Hội
57	Huỳnh Phi Long		1964	x		Khmer	Ấp Cù Lao, xã Hưng Hội
58	Trần Danh		1943	x		Khmer	Ấp Cái Giá, xã Hưng Hội
59	Sơn Tài		1970	x		Khmer	Ấp Đại Tà Nỉ, xã Hưng Hội
60	Kim Xiêng		1931	x		Khmer	Ấp Nước Mặn, xã Hưng Hội
61	Thạch Huynh		1948	x		Khmer	Ấp Cả Vĩnh, xã Hưng Hội
	Tổng cộng	61					

Ghi chú:

Toàn tỉnh có 61 NCUT trong đó:

Kinh 01 Người có uy tín

Hoa 11 Người có uy tín

Khmer 49 Người có uy tín